

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 5- 2020

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

Bà Nguyễn Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc H, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: ấp 16, xã K, huyện U M, tỉnh CM (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã N, huyện U M, tỉnh CM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/12/2019 và tại phiên tòa chị Lê Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân; Chị H và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thường xảy ra cãi vã nhau, anh T không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình và thường xuyên đánh đập chị, được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, Chị H xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly thân hơn 7 năm nay. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 1 người con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày 18/9/2013, cháu Vyhiện nay Chị H đang nuôi dưỡng, Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với anh Phan Văn T, địa chỉ cư trú ấp 7, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Phan Văn T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc H và anh Phan Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2012. Trong quá trình chung sống giữa Chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, Chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Tuy nhiên giữa Chị H và anh T chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Ngọc H với anh Phan Văn T.

[3] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Triệu V. Xét thấy, từ khi Chị H và anh T ly thân, cháu V do Chị H nuôi dưỡng; anh T cũng không có ý kiến gì về việc Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu V; Chị H cũng đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu V. Do đó, tiếp tục giao cháu V cho Chị H nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu V có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Anh T có quyền thăm nom cháu V không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Ngọc H không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Ngọc H xác định không có, anh Phan Văn T cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Lê Ngọc H xác định không có, anh Phan Văn T cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004772 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Phan Văn T không phải chịu án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Ngọc H với anh Phan Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Triệu V, sinh ngày 18/9/2013 cho chị Lê Ngọc H nuôi dưỡng, cháu V hiện đang do Chị H nuôi dưỡng, Chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có quyền thăm nom cháu V không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004772 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Phan Văn T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

